TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DS-ST
Ngày: 05 - 8 - 2019.
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trương Anh Tuấn

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1/. Bà Võ Hân Hoan.

2/. Ông Nguyễn Văn Lạc

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Tòng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST–DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST - DS ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Hồng Ng (tên gọi khác T), sinh năm 1969 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: ấp 1, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Thạch Thị Huỳnh M, sinh năm 1991 (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ liên hệ: Văn Phòng Luật sư Việt Út, số 217, ấp 2, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1979 (Vắng mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* :

1/ Chị Trần Thị Cẩm Ch, sinh năm 1985 (Có mặt tại phiên tòa)

Cùng địa chỉ: đường Hùng Vương, khóm B, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bà Hồ Thị H, sinh năm 1955. (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Khóm B, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 27/12/2018 của bà Trần Thị Hồng Ng và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Thạch Thị Huỳnh M trình bày:

Vào ngày 16/8/2016 âm lịch bà Trần Thị Hồng Ng có cho vợ chồng anh Nguyễn Thành Đ, chị Trần Thị Cẩm Ch vay số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng; mục đích vay là mua xe tải sử dụng để làm tăng thu nhập cho gia đình, thời hạn vay là khi nào cần thiết bà Ng sẽ lấy tiền lại; việc vay tiền có làm biên nhận do chính anh Đ viết và ký tên vào tờ biên nhận; khi bà Ng giao tiền thì do anh Đ, chị Ch là người trực tiếp nhận số tiền này. Tuy nhiên, kể từ khi vay đến nay vợ chồng anh Đ không có đóng lãi cho bà Ng như thỏa thuận nên bà Ng yêu cầu vợ chồng anh Đ phải trả tiền vốn lại cho bà Ng số tiền là 100.000.000 đồng, nhưng vợ chồng anh Đ cứ hứa mà không thực hiện việc trả nợ. Do vậy bà Trần Thị Hồng Ng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Thành Đ, chị Trần Thị Cẩm Ch phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ng số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng; Buộc vợ chồng anh Đ, chị Ch phải có nghĩa vụ trả cho bà Ng số tiền lãi suất tạm tính là 1.66% tháng, từ ngày 16/8/2016 âm lịch (Nhằm ngày 16/9/2016 dương lịch) đến ngày khởi kiện, làm tròn 28 tháng: 100.000.000đ x 1.66%/tháng x 28 tháng = 46.480.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi vợ chồng anh Đ phải trả cho bà Ng là 146.480.000 đồng, và yêu cầu vợ chồng anh Đ phải tiếp tục trả lãi suất cho bà Ng đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Thành Đ trình bày:

Anh thừa nhận là vợ chồng anh có vay của bà Trần Thị Hồng Ng số tiền 100.000.000 đồng, thời gian vay là ngày 16/8/2016 âm lịch, "Biên nhận" lập ngày 16/8/2016 âm lịch mà bà Ng cung cấp cho Tòa án là do anh viết và ký tên vào, khi bà Ng giao tiền thì do vợ chồng anh trực tiếp nhận tiền, mục đích vay tiền là để làm vốn mua xe tải kinh doanh cho gia đình, tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên hiện nay vợ chồng anh chưa thanh toán được cho bà Ng khoản tiền vốn nào. Đối với tiền lãi thì có thanh toán cho bà Ng mỗi tháng, tổng cộng 18 tháng, với số tiền mỗi tháng là 3.000.000 đồng, tổng cộng anh đã thanh toán cho bà Ng số tiền 54.000.000 đồng tiền lãi, theo đơn khởi kiện bà Ng cho rằng vợ chồng anh không có thanh toán cho bà Ng khoản tiền lãi nào là không đúng sự thật; thời gian anh ngưng trả lãi cho bà Ng là khoản tháng 3/2018, lý do là vì điều kiện thu nhập khó khăn nên anh không có khả năng thanh toán lãi cho bà Ng nữa. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình quá khó khăn nên anh yêu cầu trả cho bà Ng số tiền 100.000.000 đồng hàng tháng; mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 3/2019 anh sẽ thanh toán cho bà Ng hàng tháng cho đến khi hết số nợ; Ngoài ra nếu bà Ng không đồng ý cho anh trả tiền hàng tháng thì anh đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng cho bà Ng 03 lần, thời gian là trong vòng 03 năm anh sẽ thanh toán dứt nợ cho bà Ng. Về tiền lãi suất thì anh yêu cầu bà Ng bỏ tiền

lãi cho vợ chồng anh, vì hiện nay vợ chồng anh quá khó khăn không có khả năng trả lãi cho bà Nga.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Cẩm Ch trình bày:

Chị thống nhất với phần trình bày của đại diện theo ủy quyền của bà Ng là hiện nay vợ chồng chị còn thiếu bà Nga số tiền 100.000.000 đồng. Mức lãi suất và thời gian vay thì chị thống nhất theo đơn khởi kiện của bà Ng. Sau khi vợ chồng chị bàn bạc thì vợ chồng chị đồng ý trả cho bà Ng tiền vốn và lãi theo đơn khởi kiện do bà Nga yêu cầu nhưng vợ chồng chị xin trả dần cho bà Ng mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 tính từ ngày vay 16/8/2016 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thành Đ vắng mặt, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ. Ngoài ra, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần nội dung khởi kiện là không yêu cầu tính mức lãi suất 1,66%/tháng mà yêu cầu tính mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 từ ngày vay 16/8/2016 âm lịch đến ngày xét xử sơ thẩm vì hợp đồng vay giữa các bên được ký kết năm 2016. Xét thấy, việc thay đổi một phần nội dung khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không vượt quá phạm quy khởi kiện ban đầu nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì phía bị đơn cho rằng khi đóng lãi cho bà Ng thì có vài lần giao tiền cho bà Hồ Thị H là mẹ ruột của chị Ch đi đóng thay. Vào ngày 26/6/2019 khi Tòa án tiến hành xác minh lấy khai đối với bà H thì bà H không có mặt

tại địa phương. Tại phiên tòa hôm nay, có mặt bà H nên HĐXX đưa bà Hồ Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại phiên tòa, bà H, chị Ch cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ lại mà đề nghị HĐXX tiếp tục đưa vụ án ra xét xử. Do đó, HĐXX tiếp tục tiến hành xét xử và xác định bà Hồ Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét về nội dung vụ án: Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng Ng về việc giữa bà và vợ chồng anh Nguyễn Thành Đ, chị Trần Thị Cẩm Ch có thỏa thuận giao dịch vay số tiền là 100.000.000 đồng, bà Ng cung cấp cho Tòa án "Biên nhận" lập ngày 16/8/2016 âm lịch có chữ ký của anh Đ. Tại phiên hòa giải của Tòa án lập ngày 27/02/2019 thì anh Nguyễn Thành Đ, chị Trần Thị Cẩm Ch thừa nhận vào ngày 16/8/2016 âm lịch có vay của bà Ng số tiền 100.000.000 đồng, chữ ký trong "Biên nhận" lập ngày 16/8/2016 âm lịch là của anh, hiện nay vợ chồng anh chưa thanh toán cho bà Ng số tiền còn thiếu trên. Xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa các bên có xảy ra trên thực tế, anh Nguyễn Thành Đ, chị Trần Thị Cẩm Ch cũng đã thừa nhận hiện nay còn thiếu bà Trần Thị Hồng Ng số tiền vốn 100.000.000 đồng, vợ chồng anh Đ, chị Ch cũng đồng ý trả cho bà Ng số tiền còn thiếu là 100.000.000 đồng theo biên nhận nợ đã ký kết nên đây là tình tiết vụ án không cần phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Xét lời trình bày của anh Đ, chị Ch về việc có có thanh toán tiền lãi cho bà Ng mỗi tháng 3.000.000 đồng trong 18 tháng, với số tiền tổng cộng là 54.000.000 đồng, việc giao tiền lãi cho bà Ng thì có khi vợ chồng gởi trực tiếp, có khi gởi qua Ngân hàng Aribank huyện Thạnh Trị, có khi giao cho bà Hồ Thị H là mẹ ruột chị Ch đóng thay, ngoài ra thì không ai biết và chứng kiến việc đóng lãi. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Ng không thừa nhận việc vợ chồng anh Đ, chị Ch có trả khoản tiền lãi nêu trên. Để đảm bảo quyền lợi cho anh Đ, chị Ch Tòa án đã ban hành thông báo yêu cầu anh Đ, chị Ch cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh là vợ chồng anh có thanh toán cho bà Ng tổng cộng 54.000.000 đồng tiền lãi nhưng đến phiên tòa hôm nay, phía anh Đ, chị Ch vẫn không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh về việc đóng lãi. Chị Ch cho rằng vợ chồng chị có đến Ngân hàng xin trích lục các phiếu gởi tiền nhưng do lâu quá Ngân hàng đã hủy bỏ không còn lưu nên vợ chồng chị không cung cấp được. Tại phiên tòa, bà Hồ Thị H là mẹ ruột chị Ch cho rằng khi đóng lãi thì có khi chị Ch giao cho bà đi đóng thay, giao khoảng 2-3 lần vào ngày tháng năm nào thì bà không nhớ rõ, khi giao tiền thì không ai chứng kiến do vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét lời trình bày của anh Đ, chị Ch để có thể cấn trừ vào số tiền lãi đã đóng. Vì đây là nghĩa vụ chứng minh của bị đơn theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng anh, chị không thực hiện được thì phải chịu hậu quả pháp lý.

[4] Tại phiên tòa, chị Ch cho rằng sau khi đã bàn bạc lại với anh Đ thì vợ chồng chị cũng đồng ý trả tiền vốn 100.000.000 đồng và trả lãi theo quy định của pháp luật cho bà Ng nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tuy

nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận cho vợ chồng anh Đ, chị Ch trả dần nên không có cơ sở để HĐXX xem xét đối với yêu cầu trả dần của chị Ch, anh Đ. Việc trả dần các bên có thể thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án. Đối với số tiền vợ chồng chị Ch đã giao cho bà H đóng lãi thay thì tại phiên tòa chị Châu không có yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết. Do anh Đ, chị Châu không thực hiện việc trả tiền cho bà Ng theo đúng thỏa thuận nên bà Ng yêu cầu anh Nguyễn Thành Đ, chị Trần Thị Cẩm Ch trả số tiền vốn vay và tiền lãi còn thiếu là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 474; khoản 1 Điều 476 và khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về phần lãi suất: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu HĐXX xác định lại mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét thấy, hợp đồng mà các bên ký kết được xác lập trước ngày 01/01/2017 nhưng đến nay các bên vẫn chưa thực hiện xong quyền, nghĩa vụ nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết số 01, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt quy phạm thì mức lãi suất các bên thỏa thuận 3%/tháng là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, lãi suất được xác định không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là (9%/năm x 150%)/12 = 1,125%/tháng. Từ ngày 16/8/2016 âm lịch (Nhằm ngày 16/9/2016 dương lịch) đến ngày 05/8/2019 là 34 tháng 20 ngày. Như vậy, số tiền lãi anh Đ, chị Ch phải thanh toán cho bà Ng là: 100.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 34 tháng 20 ngày = 39.000.000 đồng. Tổng vốn và lãi là 139.000.000 đồng.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn anh Đ, chị Ng phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 474; khoản 1 Điều 476 và khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết số 01, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt quy phạm.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/ Buộc anh Nguyễn Thành Đ và chị Trần Thị Cẩm Ch có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Hồng Ng số tiền vốn còn nợ là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 39.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 139.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi chín triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Ng có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng anh Đ, chị Ch còn phải trả lãi cho bà Ng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thành Đ và chị Trần Thị Cẩm Ch cùng chịu số tiền 6.950.000 đồng (*Sáu triệu, chín trăm năm chục ngàn đồng*). Bà Trần Thị Hồng Ng không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.662.000 đồng (*Ba triệu, sáu trăm sáu mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005146, ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Anh Tuấn